

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v tranh chấp “ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1) Bà Vương Thị Minh Tân

2) Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Phương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Số nhà A tổ D, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: Số nhà A tổ D, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

3. *Người làm chứng:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Số nhà X, tổ Y, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

(Chị Đào, anh Lập có mặt tại phiên toà, anh Sáng vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện nộp ngày 12-5-2017, bản tự khai ngày 26-5-2017 nguyên đơn là chị Trương Thị Đào trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn L đăng ký kết hôn tại UBND xã L – thành phố N vào ngày 01-10-2003 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, mỗi lần anh L uống rượu lại chửi bố mẹ chị và chửi chị. Hai bên gia đình đã khuyên nhưng anh L vẫn vẫn thường xuyên uống rượu và chửi vợ con. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ

chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

- *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Phạm Văn T, sinh ngày 27-01-2005 và cháu Phạm Phương N, sinh ngày 01-12-2013**. Hiện tại hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con vì anh L hay uống rượu, không có thu nhập, không quan tâm đến con. Chị có mức lương ổn định. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản hòa giải ngày 01-6-2017, nguyên đơn là chị Trương Thị Đ trình bày: Nếu ly hôn chị nhất trí anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn T, sinh ngày 27-01-2005; chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương N, sinh ngày 01-12-2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị Đ trình bày có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì anh L hay uống rượu, không quan tâm đến con. Chị trình bày cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ.

- *Về chia tài sản chung*: Chị trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

2. *Tại bản tự khai đề ngày 25-5-2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Trương Thị Đ trình bày. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Đ, nay chị Đ đề nghị giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- *Về nuôi con chung*: Anh trình bày vợ chồng anh có 02 con chung như chị Đ đã trình bày. Nếu ly hôn anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung*: Anh nhất trí như chị Đ đã trình bày.

3. *Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 01-6-2017 về mâu thuẫn vợ chồng anh L và chị Đ, anh Phạm Văn S là anh trai của anh L trình bày:*

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh trình bày thống nhất như chị Trương Thị Đ và anh Phạm Văn L đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Về nuôi con chung: Anh đề nghị giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu T đã lớn, trường học của cháu gần nhà anh L nên cháu có thể tự đi học được và giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

4. *Tại đơn đề nghị đề ngày 31-5-2017, cháu Phạm Văn T – con chung của chị Đ và anh L trình bày:*

Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì bố cháu suốt ngày uống rượu và chửi mẹ cháu.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 99 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Tại phiên toà, thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Đ và anh L; Giao cháu Phạm Văn T, sinh ngày 27-01-2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Phương N, sinh ngày 01-12-2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trương Thị Đ và anh Phạm Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu và đánh, chửi chị Đ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2017 đến nay. Nay chị Đ có yêu cầu ly hôn, anh L không muốn vợ chồng ly hôn vì muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử cho chị Đ và anh L ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh L có hai con chung.

Nguyện vọng của chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con. Tại phiên tòa chị Đ trình bày chị đi làm từ sáng đến chiều mới về, hàng ngày cháu T đi học hôm thì bố cháu đón, hôm thì bác cháu đón. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn và giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng chị sẽ chuyển

hộ khẩu của hai cháu về nhà mẹ đẻ chị ở huyện N, tỉnh Nam Định và xin cho cháu T chuyển về đó học tập và mẹ đẻ chị (bà ngoại cháu Thành) sẽ giúp chị đưa đón cháu T trong việc học tập. Chị làm công nhân, tiền lương của chị khoảng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con.

Nguyện vọng của anh L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Văn T, chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Phương N vì trường học của cháu T cạnh nhà anh ở nên tiện cho việc đi lại của cháu, chị Đ đi làm từ sáng đến chiều không có thời gian đưa đón và chăm sóc cháu; anh làm nghề lái xe có thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T.

Quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cả vợ và chồng. Xét nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Đ và anh L đều là chính đáng. Xét anh L và chị Đ đều có nghề nghiệp, có thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hiện tại chị Đ chưa có chỗ ở ổn định phải ở nhà bố mẹ đẻ của chị cách xa nơi cháu T học. Mặt khác trường cháu T học gần nhà anh L nên tiện cho việc học tập của cháu. Tại phiên tòa chị Đ trình bày chị đi làm từ sáng đến chiều mới về, hàng ngày cháu T đi học hôm thì bố cháu đón, hôm thì bác cháu đón. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn và giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng chị sẽ chuyển hộ khẩu của hai cháu về nhà mẹ đẻ chị ở huyện N, tỉnh Nam Định và xin cho cháu T chuyển về đó học tập và mẹ đẻ chị (bà ngoại cháu T) sẽ giúp chị đưa đón cháu T trong việc học tập. Như vậy hiện tại chị Đ chưa có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của anh L, chị Đ và các con chung của anh chị sau khi anh chị ly hôn, giao cho anh L và chị Đ mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc một con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy mặc dù cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng xét các điều kiện để đảm bảo cho quyền lợi của cháu cũng như quyền và nghĩa vụ của bố mẹ cháu nên giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về chia tài sản chung*: chị Đ và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đ phải nộp toàn bộ án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Trương Thị Đ và anh Phạm Văn L.
2. Giao cháu **Phạm Phương N - sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013** cho chị Trương Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Phạm Văn T - sinh ngày 27 tháng 01 năm 2005** cho anh Phạm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. **Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.**

Chị Trương Thị Đ và anh Phạm Văn L có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Đ phải 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại biên lai số 03541 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị Đ và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh